Phát triển điểm đến du lịch đặc khu Phú Quý theo hướng bền vững

Trần Mỹ Ngọc
Khoa Du lịch, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
tmngoc@ntt.edu.vn

Tóm tắt
Đặc khu Phú Quý được thành lập từ ngày 01/07/2025 trên cơ sở sắp xếp ba xã Long Hải, Ngũ Phụng và Tam Thanh của huyện đảo Phú Quý cũ, là vùng biển đảo giàu tiềm năng du lịch với hệ sinh thái đa dạng, cảnh quan nguyên sơ và nhiều giá trị văn hóa biển đặc sắc của cư dân Nam Trung Bộ. Những năm gần đây, cùng xu hướng du lịch biển, đảo và trải nghiệm, Phú Quý dần thu hút du khách, song quá trình phát triển vẫn còn hạn chế về hạ tầng, sản phẩm, chất lượng dịch vụ và chịu áp lực ngày càng lớn lên tài nguyên, môi trường. Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan kết hợp phân tích thực trạng, bài viết đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển điểm đến du lịch Phú Quý và đề xuất định hướng phát triển theo hướng bền vững trên ba trụ cột kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường, sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu thứ cấp, khảo sát thực địa, quan sát và phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT). Kết quả cho thấy, Phú Quý có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái biển, đảo và du lịch cộng đồng nhờ tài nguyên phong phú, bản sắc văn hóa rõ nét và nhu cầu du lịch xanh gia tăng; tuy nhiên, sự phát triển nhanh đặt ra yêu cầu cấp thiết về quản lý điểm đến, bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa truyền thống. Bài viết đề xuất các nhóm kiến nghị gắn với từng chủ thể nhằm phát triển du lịch Phú Quý bền vững, gắn khai thác với bảo tồn tài nguyên biển, đảo và nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương.

® 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 14/05/2026
Được duyệt 30/06/2026
Công bố 30/09/2026

Từ khóa
Phát triển bền vững; đặc khu Phú Quý; điểm đến du lịch; du lịch biển, đảo; phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.

1 Đặt vấn đề

Đảo Phú Quý nằm ngoài khơi vùng biển Nam Trung Bộ, cách cảng Phan Thiết khoảng 56 hải lý (khoảng 104 km), có diện tích tự nhiên khoảng 18,02 km². Từ ngày 01/07/2025, theo Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ba xã Long Hải, Ngũ Phụng và Tam Thanh của huyện đảo Phú Quý cũ được sắp xếp thành đặc khu Phú Quý trực thuộc tỉnh Lâm Đồng [9]. Nơi đây sở hữu nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển, đảo với hệ sinh thái biển đa dạng, cảnh quan tự nhiên còn mang tính nguyên sơ cùng các giá trị văn hóa biển đặc sắc như lễ hội Cầu Ngư, tín ngưỡng thờ Cá Ông và hệ thống lăng Ông, miếu, chùa của cư dân vùng biển [12]. Cùng với sự phát triển của vận tải biển và xu hướng du lịch trải nghiệm, Phú Quý dần trở thành điểm đến thu hút du khách tại khu vực Nam Trung Bộ. Tăng trưởng du lịch cũng bộc lộ những bất cập trong tổ chức điểm đến. Dịch vụ phát triển không đều giữa các khu vực, sản phẩm còn dựa nhiều vào cảnh quan, trong khi khả năng xử lý chất thải và quản lý hoạt động tham quan chịu sức ép ngày càng lớn. Vì vậy, vấn đề đặt ra không chỉ là thu hút thêm khách mà còn là kiểm soát tác động của du lịch đối với đời sống cư dân và tài nguyên đảo.

2 Cơ sở lý thuyết

Theo Bieger (1996), điểm đến là một bộ phận của sản phẩm du lịch, được cấu thành từ không gian, tài nguyên và các dịch vụ phục vụ khách. UNWTO (2007) bổ sung góc nhìn quản lý khi xác định điểm đến qua phạm vi lưu trú, sản phẩm, hình ảnh nhận diện và khả năng tổ chức các hoạt động du lịch. Với Phú Quý, hai cách hiểu này gợi ý rằng giá trị cảnh quan chỉ tạo lợi thế ban đầu; khả năng kết nối dịch vụ và điều phối các chủ thể mới quyết định chất lượng điểm đến.

Khung du lịch bền vững của UNEP và UNWTO (2005) đặt lợi ích kinh tế trong quan hệ với trách nhiệm môi trường và đời sống cộng đồng. Đối với đảo có diện tích hạn chế như Phú Quý, ba phương diện này khó tách rời: gia tăng khách có thể mở rộng sinh kế dịch vụ nhưng đồng thời làm tăng nhu cầu nước ngọt, xử lý chất thải và sử dụng không gian văn hóa. Bài viết sử dụng khung tiếp cận đó để xem xét những lợi ích và giới hạn của tăng trưởng du lịch.

3 Phương pháp nghiên cứu

https://doi.org/10.55401/0qcctx73

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính, kết hợp nghiên cứu tổng quan và phân tích thực trạng nhằm đánh giá quá trình phát triển điểm đến du lịch đặc khu Phú Quý theo hướng bền vững. Nghiên cứu vận dụng ba phương pháp chính.

- Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp được sử dụng để hệ thống hóa các văn bản pháp lý về thành lập đặc khu, văn bản quy hoạch và chính sách phát triển du lịch, các báo cáo thống kê của cơ quan quản lý cùng những công trình nghiên cứu liên quan đến du lịch biển, đảo và du lịch bền vững. Tài liệu được lựa chọn theo tiêu chí ưu tiên các văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước và các nguồn chính thống, cập nhật giai đoạn 2024-2026.

- Phương pháp khảo sát và quan sát thực địa được thực hiện tại các điểm tham quan tiêu biểu trên đảo (khu vực Bãi Nhỏ – Gành Hang, vịnh Triều Dương, núi Cao Cát, các vạn, lăng và cảng Phú Quý) nhằm ghi nhận hiện trạng tài nguyên, cơ sở hạ tầng, hoạt động dịch vụ và mức độ tham gia của cộng đồng địa phương. Đây là nghiên cứu mô tả – định tính, không tiến hành khảo sát định lượng trên mẫu đại diện; do đó các nhận định về xu hướng được đặt trong giới hạn của dữ liệu thứ cấp và quan sát thực địa.

- Phương pháp phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (ma trận SWOT) được dùng để tổng hợp kết quả thành bốn nhóm: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. Các yếu tố SWOT được rút ra từ kết quả phân tích tài liệu và quan sát thực địa, làm cơ sở đề xuất định hướng và kiến nghị phát triển bền vững gắn với từng chủ thể của điểm đến.

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Tiềm năng phát triển du lịch tại đặc khu Phú Quý

Phú Quý có khả năng kết hợp nhiều trải nghiệm trên một không gian đảo tương đối nhỏ. Các bãi biển, địa hình ven bờ và hệ sinh thái biển tạo điều kiện cho hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng và khám phá thiên nhiên. Trong khi đó, nghề cá, tín ngưỡng thờ Cá Ông và sinh hoạt của các cộng đồng vạn chài mở ra hướng phát triển sản phẩm gắn với đời sống địa phương. Những nhóm tài nguyên chính được tổng hợp tại Bảng 1.

Bảng 1. Tiềm năng các loại hình du lịch tại đặc khu Phú Quý

Loại hình du lịch	Mô tả
Du lịch biển, đảo	Phú Quý có nhiều bãi biển và cảnh quan ven biển đẹp như Bãi Nhỏ – Gành Hang, vịnh Triều Dương, Hòn Tranh và Dốc Phượt. Hệ sinh thái biển với rạn san hô và nguồn hải sản phong phú tạo điều kiện phát triển nghỉ dưỡng, lặn biển và trải nghiệm biển, đảo
Du lịch văn hóa – tín ngưỡng	Địa phương còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa biển truyền thống như: lễ Cầu Ngư, tín ngưỡng thờ Cá Ông cùng hệ thống lăng Ông, miếu, chùa ven biển, tạo điều kiện phát triển du lịch văn hóa và tâm linh
Du lịch sinh thái	Phú Quý có hệ sinh thái biển đảo đa dạng với các bãi đá tự nhiên, rạn san hô và cảnh quan địa chất đặc trưng của đảo núi lửa, phù hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên biển và cộng đồng địa phương
Du lịch cộng đồng	Đời sống cư dân gắn với nghề biển và hoạt động khai thác hải sản truyền thống tạo điều kiện phát triển các hoạt động trải nghiệm cộng đồng và khám phá văn hóa địa phương.
Du lịch ẩm thực	Ẩm thực biển với các loại hải sản và món ăn đặc trưng như cua mặt trăng, mực một nắng, cá mú đỏ góp phần tạo dấu ấn riêng cho điểm đến Phú Quý.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [4, 12]

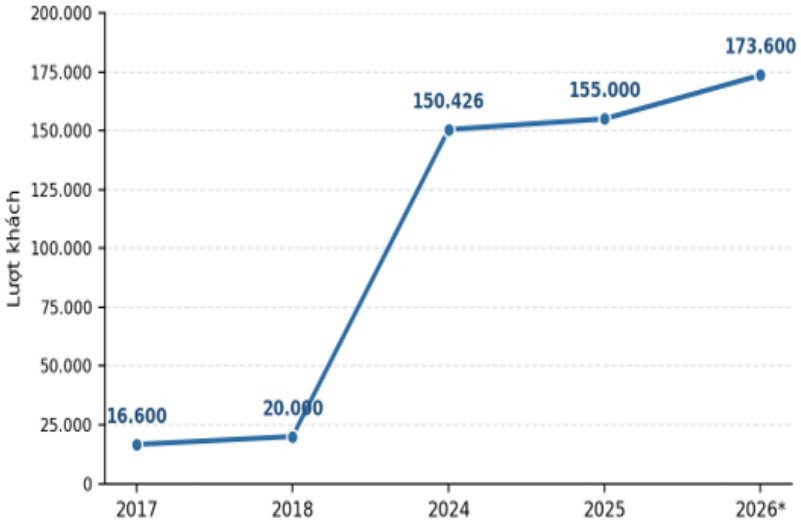
Lợi thế đáng chú ý của Phú Quý nằm ở khoảng cách gần giữa không gian tự nhiên và không gian sinh hoạt của cư dân. Khai thác lợi thế này đòi hỏi sản phẩm du lịch phải tôn trọng nhịp sống nghề biển, thay vì chỉ đưa các sinh hoạt văn hóa vào chương trình tham quan như một hình thức trình diễn.

4.2 Thực trạng phát triển du lịch tại đặc khu Phú Quý

Sự xuất hiện và mở rộng các tuyến tàu cao tốc đã cải thiện điều kiện đi lại giữa Phú Quý với đất liền. Cùng với hình ảnh được chia sẻ rộng rãi trên mạng xã hội, điều này góp phần đưa đảo vào lựa chọn của nhiều nhóm khách thích khám phá biển đảo. Dẫu vậy, tính phụ thuộc vào thời tiết vẫn khiến vận tải hành khách và hoạt động kinh doanh dịch vụ có những thời điểm gián đoạn.

Từ năm 2022, cùng quá trình phục hồi của ngành du lịch Việt Nam, hoạt động du lịch tại Phú Quý ghi nhận xu hướng tăng trưởng trở lại. Theo số liệu của địa phương, năm 2025 đặc khu Phú Quý đón khoảng 155

000 lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt hơn 3 900 lượt [10]. Địa phương đặt mục tiêu đến năm 2026 đón khoảng 173 600 lượt khách với doanh thu du lịch ước đạt khoảng 434 tỷ đồng [10]. Diễn biến lượng khách qua các năm được thể hiện ở Hình 1, cho thấy du lịch Phú Quý đang bước vào giai đoạn mở rộng quy mô, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với quản lý điểm đến, bảo vệ môi trường biển, đảo và nâng cao chất lượng dịch vụ.



Hình 1 Tổng lượt khách du lịch đến đặc khu Phú Quý.

Cơ cấu khách đến Phú Quý vẫn nghiêng mạnh về thị trường nội địa. Trong khi các cơ sở lưu trú và dịch vụ phát triển để đáp ứng nhu cầu mới, hạ tầng môi trường và năng lực điều phối hoạt động tham quan cần được xem xét tương ứng. Đây là khoảng cách đáng chú ý giữa tốc độ mở rộng thị trường và điều kiện tiếp nhận khách của một điểm đến đảo.

Bảng 2 đối chiếu những chuyển biến trên năm phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quản trị.

Bảng 2 Đánh giá thực trạng phát triển du lịch đặc khu Phú Quý theo các trụ cột bền vững

Trụ cột bền vững	Thực trạng
Kinh tế	Du lịch từng bước trở thành lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương; lượng khách tăng thúc đẩy lưu trú, ăn uống, vận tải biển và kinh doanh đặc sản. Tuy nhiên, nguồn thu du lịch vẫn phụ thuộc chủ yếu vào khách nội địa và mang tính mùa vụ
Văn hóa – xã hội	Phú Quý lưu giữ nhiều giá trị văn hóa biển như lễ hội Cầu Ngư, tín ngưỡng thờ Cá Ông và hệ thống lăng Ông, miếu, chùa ven biển; du lịch tạo thêm việc làm, mở rộng cơ hội kinh doanh cho người dân. Tuy nhiên, có nguy cơ thương mại hóa, mai một giá trị truyền thống và chất lượng nhân lực du lịch còn hạn chế về kỹ năng, ngoại ngữ
Môi trường	Hệ sinh thái biển đảo đa dạng với nhiều rạn san hô và cảnh quan có giá trị. Dù địa phương đã bước đầu quan tâm bảo vệ môi trường biển và giảm rác thải nhựa, áp lực từ gia tăng khách du lịch vẫn làm phát sinh vấn đề về rác thải, nước ngọt và ô nhiễm môi trường biển
Quản trị điểm đến (yếu tố xuyên suốt)	Địa phương đã chú trọng quảng bá hình ảnh du lịch biển đảo và tăng cường quản lý hoạt động du lịch. Tuy nhiên, công tác quy hoạch và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả

4.3 Phân tích ma trận SWOT

Ma trận SWOT tại Bảng 3 được xây dựng từ các kết quả tổng hợp tài liệu và quan sát thực địa. Việc phân nhóm yếu tố nội tại và bối cảnh bên ngoài giúp xác định những lợi thế có thể khai thác, đồng thời chỉ ra các giới hạn cần tính đến khi lựa chọn định hướng phát triển.

Bảng 3 Ma trận SWOT ngành du lịch đặc khu Phú Quý

STRENGTHS (Điểm mạnh)	WEAKNESSES (Điểm yếu)
S1. Hệ sinh thái biển, đảo đa dạng, nhiều bãi biển đẹp, cảnh quan còn nguyên sơ S2. Điểm tham quan nổi bật: Bãi Nhỏ – Gành Hang, Hòn Tranh, vịnh Triều Dương, Dốc Phượt S3. Giá trị văn hóa biển đặc sắc: lễ Cầu Ngư, tín ngưỡng thờ Cá Ông, hệ thống lăng Ông, miếu, chùa S4. Hải sản, ẩm thực biển phong phú, mang bản sắc cư dân đảo S5. Người dân thân thiện, có tinh thần tham gia du lịch cộng đồng S6. Truyền thông số giúp hình ảnh Phú Quý lan tỏa mạnh	W1. Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, nhất là giao thông, xử lý rác thải và nước sạch W2. Chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, thiếu chuyên nghiệp W3. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chủ yếu tham quan cảnh quan W4. Thiếu nhân lực du lịch có chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ W5. Quảng bá và xây dựng thương hiệu điểm đến còn hạn chế W6. Tính mùa vụ cao do phụ thuộc thời tiết biển; quy hoạch chưa theo kịp tăng trưởng
OPPORTUNITIES (Cơ hội)	**THREATS (Thách thức)**
O1. Xu hướng du lịch xanh, trải nghiệm, sinh thái biển, đảo gia tăng O2. Chính sách phát triển kinh tế biển và cơ chế đặc khu tạo thuận lợi O3. Hạ tầng giao thông biển ngày càng cải thiện, tăng kết nối với đất liền O4. Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, trải nghiệm nghề biển, văn hóa bản địa O5. Chuyển đổi số mở rộng quảng bá điểm đến với chi phí thấp O6. Khả năng liên kết tuyến du lịch biển Nam Trung Bộ để đa dạng hóa sản phẩm	T1. Biến đổi khí hậu, xói lở bờ biển, ô nhiễm môi trường biển T2. Áp lực khách tăng nhanh có thể làm suy giảm san hô, cảnh quan nếu thiếu kiểm soát T3. Cạnh tranh từ Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quốc, Nam Du,… T4. Nguy cơ thương mại hóa, mai một giá trị văn hóa truyền thống T5. Tiếp cận đảo phụ thuộc thời tiết và phương tiện vận tải biển; khan hiếm nước ngọt mùa khô T6. Hạn chế về nguồn vốn và năng lực quản lý du lịch bền vững tại địa phương

Đối chiếu giữa thực trạng và ma trận SWOT cho thấy Phú Quý có nhiều lợi thế cho phát triển du lịch biển, đảo nhờ cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái biển và các giá trị văn hóa của cư dân vùng biển (S1-S4); trong bối cảnh xu hướng du lịch xanh và trải nghiệm gia tăng (O1, O4), đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các sản phẩm đặc thù và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, quá trình phát triển vẫn còn bốn nhóm hạn chế nổi bật: (i) hạ tầng giao thông, nước sạch, xử lý rác thải chưa đáp ứng yêu cầu (W1, T5); (ii) sản phẩm du lịch chưa đa dạng, thiếu chiều sâu trải nghiệm (W3); (iii) công tác quản lý, kiểm soát sức tải và bảo vệ tài nguyên biển, đảo chưa theo kịp tốc độ tăng trưởng, làm gia tăng nguy cơ suy giảm hệ sinh thái (W6, T1, T2) [5]; (iv) quảng bá, thương hiệu, nhân lực và liên kết vùng còn yếu (W4, W5). Đây là cơ sở để xác lập các định hướng phát triển bền vững ở mục tiếp theo.

4.4 Định hướng phát triển bền vững điểm đến du lịch đặc khu Phú Quý

Từ các kết quả trên, ưu tiên của Phú Quý không nên chỉ là mở rộng quy mô khách. Các định hướng cần xử lý đồng thời ba vấn đề: nâng giá trị kinh tế của mỗi chuyến đi, bảo vệ sinh hoạt văn hóa của cộng đồng và giới hạn sức ép lên tài nguyên đảo.

4.4.1 Về kinh tế

Về kinh tế, Phú Quý có thể tăng giá trị trải nghiệm thay vì chỉ tìm cách tăng lượt khách. Các hoạt động tìm hiểu nghề cá, ẩm thực địa phương và tham quan có hướng dẫn phù hợp với lợi thế tài nguyên đã nhận diện (S1–S4), đồng thời tạo cơ hội phân phối lợi ích đến nhiều hộ dân hơn. Điều kiện thực hiện là nâng chuẩn dịch vụ, bảo đảm an toàn và hạn chế tính mùa vụ.

4.4.2 Về văn hóa – xã hội

Về văn hóa và xã hội, việc đưa lễ hội, tín ngưỡng và sinh hoạt nghề biển vào sản phẩm du lịch cần có sự đồng thuận của cộng đồng sở hữu di sản. Các không gian thờ tự không nên bị chuyển thành nơi phục vụ khách thuần túy; thời điểm, cách thức tham quan phải tôn trọng quy ước địa phương. Hướng tiếp cận này vừa

khai thác lợi thế văn hóa (S3), vừa hạn chế nguy cơ thương mại hóa (T4).

4.4.3 Về môi trường

Về môi trường, khả năng cung cấp nước ngọt, thu gom rác và bảo vệ hệ sinh thái ven bờ cần được coi là giới hạn thực tế của phát triển điểm đến. Trước khi mở rộng các hoạt động tại rạn san hô và khu vực nhạy cảm, địa phương cần xác định phạm vi khai thác, quy định ứng xử của du khách và theo dõi tác động theo mùa. Những việc này trực tiếp đáp ứng các nguy cơ đã nhận diện ở nhóm T1, T2 và hạn chế W1.

5 Kết luận và kiến nghị

Phú Quý đang có cơ hội phát triển du lịch từ sự kết hợp giữa cảnh quan biển và đời sống văn hóa nghề cá. Tuy nhiên, lợi thế tài nguyên không tự chuyển thành tính bền vững. Kết quả tổng hợp cho thấy điểm nghẽn nằm ở sự chênh lệch giữa tốc độ gia tăng hoạt động du lịch với năng lực cung ứng dịch vụ, bảo vệ môi trường và phối hợp quản lý. Vì vậy, các khuyến nghị dưới đây được phân theo nhóm chủ thể thực hiện.

- Đối với chính quyền đặc khu và tỉnh Lâm Đồng: trước thực trạng hạ tầng nước ngọt, xử lý rác thải quá tải và quy hoạch chưa theo kịp tăng trưởng (W1, W6, T1), cần sớm xây dựng quy hoạch và đề án phát triển du lịch bền vững cho đặc khu phù hợp vị thế mới; ưu tiên đầu tư hạ tầng nước, xử lý rác thải và năng lượng tái tạo; ban hành tiêu chí, quy chế kiểm soát sức chứa và bảo vệ tài nguyên; thiết lập cơ chế quản trị điểm đến thống nhất. Kết quả kỳ vọng là một điểm đến được quản trị bài bản, kiểm soát được áp lực môi trường và phát triển ổn định.
- Đối với doanh nghiệp du lịch: trước hạn chế về sản phẩm đơn điệu và chất lượng dịch vụ chưa đồng đều (W2, W3), cần đầu tư sản phẩm khác biệt (lặn ngắm san hô, trải nghiệm nghề cá, du lịch cộng đồng), nâng chất lượng dịch vụ và cam kết thực hành du lịch xanh (giảm rác thải nhựa, tiết kiệm nước, vật liệu thân thiện môi trường); liên kết tạo chuỗi sản phẩm và chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Kết quả kỳ vọng là hệ sản phẩm đặc thù, nâng giá trị gia tăng và kéo dài mùa du lịch.
- Đối với cộng đồng dân cư: phát huy điểm mạnh về sự thân thiện và nghề biển truyền thống (S4, S5), người dân tham gia trực tiếp vào du lịch cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hóa, cảnh quan và môi trường; nâng cao kỹ năng làm du lịch và ý thức bảo vệ nguồn nước, rạn san hô. Kết quả kỳ vọng là cộng đồng vừa là chủ thể cung cấp dịch vụ vừa là người hưởng lợi và giám sát tài nguyên.
- Đối với cơ quan quản lý ngành: trước hạn chế về thương hiệu, nhân lực và liên kết vùng (W4, W5), cần hỗ trợ đào tạo nhân lực, xúc tiến xây dựng thương hiệu điểm đến, kết nối tuyến − tàu và giám sát môi trường; lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững vào các chương trình, dự án trên đảo. Kết quả kỳ vọng là thương hiệu điểm đến rõ nét, nhân lực chuyên nghiệp hơn và năng lực cạnh tranh được nâng cao.

Giới hạn của bài viết là sử dụng chủ yếu tư liệu thứ cấp và quan sát thực địa, chưa có khảo sát định lượng độc lập về mức hài lòng của khách, lợi ích hộ dân hay sức tải sinh thái. Các nghiên cứu tiếp theo cần đo lường những chỉ báo này để kiểm chứng mức độ bền vững của điểm đến và xác định thứ tự ưu tiên đầu tư.

Lời cảm ơn

Tác giả trân trọng cảm ơn Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã tạo điều kiện và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần hoàn thành bài viết này.

Tài liệu tham khảo

1. Bieger, T. (1996). *Destinationen*. Oldenbourg.
2. World Tourism Organization (UNWTO). (2007). *A practical guide to tourism destination management*. World Tourism Organization.
3. United Nations Environment Programme [UNEP], & World Tourism Organization [UNWTO]. (2005). *Making tourism more sustainable: A guide for policy makers*. World Tourism Organization.
4. Phạm Trung Lương (Chủ biên). (2002). *Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục.
5. Honey, M. (2008). *Ecotourism and sustainable development: Who owns paradise?* (2nd ed.). Island Press.
6. Weaver, D. B. (Ed.). (2001). *The Encyclopedia of Ecotourism*. CAB International.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2017). *Luật Du lịch*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
8. Bộ Chính trị. (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội.

9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2025). *Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng năm 2025*. Hà Nội.
10. Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quý. (2025). *Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch và phát triển kinh tế biển đảo năm 2025*. Phú Quý, Việt Nam.
11. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam. (2024). *Báo cáo tình hình phát triển du lịch biển đảo Việt Nam năm 2024*. Hà Nội, Việt Nam.
12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Thuận. (2024). *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch tỉnh Bình Thuận năm 2024*. Bình Thuận, Việt Nam.

Sustainable Tourism Destination Development in Phu Quy Special Zone

Tran My Ngoc
Faculty of Tourism, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam
tmngoc@ntt.edu.vn

Abstract
Phu Quy Special Zone was established on 1 July 2025 by merging the three former communes of Long Hai, Ngu Phung and Tam Thanh of the former Phu Quy island district. It is a coastal and island area with considerable tourism potential, characterized by a diverse natural ecosystem, relatively pristine landscapes, and distinctive maritime cultural values of the South Central Coast communities. In recent years, together with the growing trend of island and experiential tourism, Phu Quy has gradually become an attractive destination. However, its tourism development still reveals several limitations, including inadequate infrastructure, limited tourism products, inconsistent service quality, and increasing pressure on marine and island resources. Based on a review-oriented approach combined with an analysis of the current situation, this article examines the potential and current state of Phu Quy as a tourism destination and proposes sustainable development orientations along three pillars of economy, society – culture and environment, using document synthesis, field survey, observation and SWOT matrix analysis. The findings show that Phu Quy has favorable conditions for marine ecotourism and community-based tourism thanks to rich resources, a distinctive cultural identity and rising demand for green tourism; nevertheless, rapid growth raises urgent issues of destination management, environmental protection and cultural preservation. The article recommends groups of solutions associated with each stakeholder to develop Phu Quy tourism sustainably, linking exploitation with marine resource conservation and enhancing the role of the local community.
Keywords: Sustainable development; Phu Quy special zone; tourism destination; marine and island tourism; SWOT analysis.